

Bản án số: 24/2021/HS-PT.

Ngày: 02/11/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Thuận và ông Trần Tỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hiếu Thảo. Do có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HS-ST ngày 24/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị Hiếu T (Tên gọi khác: T cá), sinh ngày 10/02/1979 tại Q; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn T, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1961; Bị cáo từng chung sống như vợ chồng với Lê Nguyên V, sinh năm 1973, Bùi Văn T, sinh năm 1982 và Phan Văn C, sinh năm 1988; Bị cáo có 04 con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2009). Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân:

Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2011/HS-ST ngày 06/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xử phạt 05 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2011/HS-ST ngày 28/12/2011 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Ngày 27/02/2017, bị cáo chấp hành xong án phạt tù (Đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7/2020, Nguyễn Thị Hiếu T đi đến xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, tìm gặp Q (không rõ nhân thân, lai lịch) mua ma túy với giá 22.000.000 đồng, về sử dụng dần. Sau khi mua xong, Thảo đi về thành phố Kon Tum. Khi đến dưới chân bảng hiệu “*Kon Tum kính chào quý khách*” thuộc khu vực nghĩa trang thành phố Kon Tum, T lấy một ít ma túy mới mua ra để sử dụng. Do ma túy kém chất lượng (gây buồn ngủ) nên T đem gói ma túy trên chôn dưới trụ bảng hiệu.

Ngày 08/7/2020, T gặp và nhờ Nguyễn Văn Tu tìm người đòi nợ giúp mình. Tu đồng ý. Khoảng mấy ngày sau (không rõ ngày), T được người phụ nữ tự xưng là Th (không rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện nói rằng, Th là người được T giới thiệu để giúp T đòi nợ. Ngày 10/7/2020, T hẹn Th gặp nhau tại nhà nghỉ Hà An (đường Thi Sách, thành phố Kon Tum). Qua nói chuyện, Th biết T có ma túy kém chất lượng mua của Q. Do Th có quen biết với Q nên T nhờ Th đòi giúp ma túy khác từ chỗ của Q. Th đồng ý.

Khoảng 21 giờ ngày 12/7/2020, T đi đến chân bảng hiệu “*Kon Tum kính chào quý khách*” thuộc khu vực nghĩa trang thành phố Kon Tum để lấy gói ma túy đã chôn hôm trước. T đem gói ma túy để trên gác-ba-ga xe mô tô biển kiểm soát 82B1-367.88, đi đến trước Đài phát thanh truyền hình tỉnh Kon Tum (số 258A Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) đợi Th đến đòi ma túy. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Kon Tum tiến hành kiểm tra hành chính và bắt quả tang T đang cất giấu 01 gói ma túy trên gác-ba-ga xe mô tô biển kiểm soát 82B1-367.88.

Tại Kết luận giám định số 145/KLGD-PC09 ngày 15/7/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Kon Tum thể hiện: Mẫu chất tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M1, M2) được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng **98,287 gam** (*Chín mươi tám phẩy, hai trăm tám mươi bảy gam*), là loại Methamphetamine. Trong đó, M1 có khối lượng 32,938 gam, là loại Methamphetamine; M2 có khối lượng 65,349 gam, là loại Methamphetamine.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HS-ST ngày 24/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum quyết định như sau:

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T (Tên gọi khác: T cá) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T 13 (*Mười ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù,

thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 13/7/2020.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T là hợp lệ, nội dung kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt 13 (*Mười ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Quá trình nghiên cứu hồ sơ, thấy rằng Tòa cấp sơ thẩm tuyên về xử lý vật chứng chưa phù hợp. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, cụ thể:

+ Đối với số tiền 15.754.000 đồng, giữ lại 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung của bị cáo, trả cho bị cáo số tiền còn lại 5.754.000đ (*Năm triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

+ Trả lại cho bị cáo 01 thẻ Ngân hàng Sacombank, 01 thẻ Ngân hàng Agribank đều mang tên Nguyễn Thị Hiếu T; 01 thẻ Vin Group số 8888.2000.8632.0651.

+ Trả lại cho bị cáo 01 Chứng minh nhân dân số 233.035.497 mang tên Nguyễn Thị Hiếu T sau khi chấp hành án xong.

Về án phí: Do sửa một phần bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Hiếu Thảo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm về chăm lo cho con nhỏ và cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên, Tòa án cấp sơ thẩm,

Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 12/7/2020, bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T bị Cơ quan CSĐT phát hiện bắt quả tang trên gác-ba-ga xe mô tô biển kiểm soát 82B1-367.88 có 01 gói ma túy trong lúc T đang ngồi trên xe trước khu vực vỉa hè Đài truyền hình tỉnh Kon Tum (số 258A Phan Đình Phùng, tổ 6, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum). Bị cáo khai nhận nguồn gốc ma túy bị bắt là do T mua của đối tượng Q (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 22.000.000 đồng với mục đích để sử dụng cá nhân. Khối lượng ma túy T bị bắt được giám định là 98,287 gam (*Chín mươi tám phẩy hai trăm tám mươi bảy gam*), là loại Methamphetamine. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến các quy định về chính sách độc quyền quản lý Nhà nước đối với việc cất giữ, vận chuyển, trao đổi chất ma túy, vi phạm Luật phòng chống ma túy và là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người coi thường, bất chấp pháp luật. Do đó, việc xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo là cần thiết, buộc phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Khi xét xử, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo và không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác để xem xét. Do vậy, Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 13 (*Mười ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HS-ST ngày 24/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum về phần hình phạt.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Bản án sơ thẩm đã tuyên: “...*Riêng đối với số tiền 15.754.000 đồng; 01 CMND số 233.035.497 mang tên Nguyễn Thị Hiếu T, 01 thẻ Ngân hàng Sacombank mang tên Nguyễn Thị Hiếu T, 01 thẻ Ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Thị Hiếu T, 01 thẻ Vin Group số 8888.2000.8632.0651, xét trả lại cho bị cáo sau khi chấp hành án...*”. Nội dung này tuy không có kháng cáo, kháng nghị nhưng bất lợi cho bị cáo và chưa phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử sửa một phần Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng như sau:

+ Đối với số tiền 15.754.000 đồng: Giữ lại 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung của bị cáo, trả cho bị cáo số tiền còn lại 5.754.000đ (*Năm triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

+ Đối với 01 thẻ Ngân hàng Sacombank, 01 thẻ Ngân hàng Agribank đều mang tên Nguyễn Thị Hiếu T; 01 thẻ Vin Group số 8888.2000.8632.0651 là tài sản cá nhân của bị cáo và không liên quan đến phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T.

+ Tiếp tục tạm giữ 01 Chứng minh nhân dân số 233.035.497 mang tên Nguyễn Thị Hiếu T, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm về phân xử lý vật chứng nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2021/HS-ST ngày 24/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum về phần hình phạt, sửa một phần về xử lý vật chứng.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Hiếu T** (Tên gọi khác: T cá) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ các điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T **13** (*Mười ba*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2020.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/2/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân:

- Giữ lại 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung của bị cáo, trả cho bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T số tiền còn lại 5.754.000đ (*Năm triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T 01 (*Một*) thẻ Ngân hàng Sacombank, 01 (*Một*) thẻ Ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Thị Hiếu T; 01 (*Một*) thẻ Vin Group số 8888.2000.8632.0651.

- Giao cho Cơ quan thi hành án phạt tù nơi bị cáo chấp hành án phạt tù tạm giữ 01 (*Một*) Chứng minh nhân dân số 233.035.497 mang tên Nguyễn Thị Hiếu T trong thời gian bị cáo thi hành án phạt tù. Bị cáo được nhận lại chứng minh nhân dân sau khi đã chấp hành xong án phạt tù.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum).

Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Hiếu T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (02/11/2021).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Kon Tum;
- TAND thành phố Kon Tum;
- VKSND thành phố Kon Tum;
- Công an thành phố Kon Tum;
- Trại tạm giam CA tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Minh